|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH THANH HÓA**Số: /2025/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2019/QH14 ngày 22/11/ 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Công nghệ Thông tin số 67/2006/QH 11 ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;*

*Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg, ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 3396/2012/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Thông tin và Truyền thông;- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;- Cục kiểm tra văn bản QPPL – BTP;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- TT: TU, HĐND tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Như Điều 3; - Sở Tư pháp; - Lưu: VT, VP UBND tỉnh. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ**

**Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND,*

*ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này quy định về nguyên tắc quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) là mạng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước, được tổ chức, quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin để trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng truy nhập (mạng truy nhập cấp I, II) là hệ thống gồm thiết bị đầu cuối, kênh truyền phục vụ kết nối từ mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ đến mạng trục. Mạng truy nhập gồm mạng truy nhập cấp I có phạm vi kết nối từ trung ương đến cấp tỉnh và mạng truy nhập cấp II có phạm vi kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã.

3. Mạng truy nhập cấp I do Cục Bưu điện Trung ương trực tiếp quản lý, vận hành qua các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung tại trung tâm điều hành mạng để cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định 8/2023/QĐ-TTg

4. Mạng truy nhập cấp II do đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh trực tiếp quản lý, vận hành hoặc thuê doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định 8/2023/QĐ-TTg.

5. Đơn vị được giao quản lý Mạng TSLCD là Sở Thông tin và Truyền thông.

6. Trung tâm dữ liệu của tỉnh Thanh Hóa là Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông) trực tiếp quản lý.

7. Doanh nghiệp viễn thông: Là doanh nghiệp được giao triển khai vận hành Mạng TSLCD truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 3. Danh mục ứng dụng**

1. Hệ thống quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

2. Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

3. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

4. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại trung tâm dữ liệu của tỉnh.

5. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

6. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

**Điều 4. Chất lượng**

- Dịch vụ Mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng phục vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Mạng TSLCD dùng phải bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

- Mạng TSLCD phải được kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, được nâng cấp để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

**CHƯƠNG II**

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI VÀ**

 **BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN**

**Điều 5. Nguyên tắc quản lý, vận hành**

**1.** Quản lý chung giao Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Quản lý và tham mưu xây dựng Mạng TSLCD truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức ở tỉnh Thanh Hóa theo đối tượng tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu trên mạng TSLCD đảm bảo xuyên suốt 4 cấp hành chính.

c) Phối hợp với bộ phận phụ trách CNTT của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh:

- Kết nối Mạng TSLCD truy cập cấp I trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quản lý quản lý Mạng TSLCD truy nhập cấp II phục vụ mạng diện rộng của Đảng trên địa bàn tỉnh.

d) Là đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến Mạng TSLCD truy nhập cấp II, Trung tâm dữ liệu của tỉnh theo quy định.

**2.** Quản lý thiết bị

a) Tỉnh uỷ, UBND tỉnh bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp I đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7,…), đảm bảo an toàn, an ninh; cử đầu mối hỗ trợ Cục BĐTW và doanh nghiệp viễn thông cấp dịch vụ cho Mạng TSLCD truy nhập cấp I trong công tác xử lý sự cố và quản lý, kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị hàng năm. Thông báo cho Cục BĐTW và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

b) Đối với thiết bị của mạng truy nhập cấp II đơn vị sử dụng đảm bảo việc bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7,…), đảm bảo an toàn, an ninh. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã (Đơn vị sử dụng) thông báo cho đầu mối hỗ trợ của tỉnh là Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

**3.** Vận hành: doanh nghiệp viễn thông là đơn vị được giao triển khai vận hành Mạng TSLCD truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**4.** Xử lý sự cố

a) Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối xử lý sự cố mạng truy nhập cấp II, tiếp nhận cảnh báo từ Cục BĐTW, đơn vị sử dụng dịch vụ hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

b) Doanh nghiệp viễn thông thực hiện xử lý sự cố theo quy định, báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sử dụng dịch vụ.

**Điều 6. Kết nối**

**1.** Mô hình kết nối

a) Văn phòng Tỉnh ủy, HĐNH tỉnh, UBND tỉnh, các sở ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện kết nối Mạng của mình với Mạng TSLCD theo Mô hình 4, Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng TSLCD phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Doanh nghiệp viễn thông triển khai tối thiểu 02 (hai) kênh truyền cáp quang theo 02 (hai) hướng vật lý khác nhau kết nối từ thiết bị định tuyến của đối tượng sử dụng mạng truy nhập cấp I và Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh đến cổng kết nối của Mạng TSLCD.

c) Kênh truyền phải bảo đảm mức chiếm dụng băng thông của các hướng kết nối < 90%; căn cứ kết quả giám sát lưu lượng tất cả các hướng kết nối của cơ quan chức năng, nếu >90% sẽ thông báo cho đầu mối hỗ trợ của tỉnh để phối hợp xử lý.

**2.** Sử dụng địa chỉ IP

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã sử dụng địa chỉ IP do Cục Bưu điện Trung ương cung cấp theo đăng ký của Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Việc sử dụng địa chỉ IP phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và không trùng lặp giữa các dịch vụ, cơ quan, tổ chức;

c) Định ký hằng năm và đột xuất, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thực hiện rà soát hoạt động sử dụng địa chỉ IP của mạng truy nhập cấp II và gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương).

**3.** Định tuyến

Định tuyến Mạng TSLCD phải tuân thủ theo hướng dẫn, cơ chế quản lý, thiết lập các chính sách của Cục Bưu điện Trung ương và phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Bảo đảm an toàn thông tin mạng**

**1.** Hệ thống thông tin kết nối vào mạng truy nhập cấp II phải thực hiện qua cổng kết nối để bảo đảm an toàn thông tin và triển khai các dịch vụ, ứng dụng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

**2.** Hệ thống thông tin phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 9 và 10 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

**3.** Hệ thống thông tin phải được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định trước khi kết nối vào truy nhập cấp II.

**4.** Phân vùng mạng tham gia kết nối vào mạng truy nhập cấp II phải được thiết kế phân tách độc lập và có phương án quản lý truy nhập với các phân vùng mạng khác.

**5.** Khi hệ thống thông tin kết nối vào mạng truy nhập cấp II bị phát hiện không bảo đảm an toàn thông tin mạng, đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thông tin cần phối hợp thực hiện xử lý theo hướng dẫn của Cục Bưu điện Trung ương.

**Điều 8. Giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập**

**1.** Đơn vị được giao quản lý tài khoản giám sát phải lưu giữ, bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập, định kỳ thay đổi và sử dụng mật khẩu đảm bảo an toàn thông tin.

**2.** Thông tin giám sát an toàn thông tin mạng của thiết bị, hệ thống thông tin kết nối Mạng TSLCD được chia sẻ về Trung tâm điều hành mạng theo hướng dẫn của Cục Bưu điện Trung ương.

**3.** Máy chủ, máy trạm và thiết bị công nghệ thông tin khác kết nối vào Mạng TSLCD phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được giám sát an toàn thông tin mạng tập trung.

**4.** Yêu cầu tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối quy định tại Phụ lục I.

**CHƯƠNG III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông.**

**1.** Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh.

**2.** Tham mưu kế hoạch triển khai kết nối, chuẩn hóa mạng, đưa các dịch vụ, ứng dụng dùng chung của tỉnh lên sử dụng Mạng TSLCD.

**3.** Tham mưu đề xuất dung lượng băng thông đường truyền của Mạng TSLCD phù hợp với nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh.

**4.** Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung.

**5.** Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông trong công tác triển khai kết nối và xử lý sự cố đối với mạng truy nhập cấp II.

**Điều 10.** **Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Cân đối ngân sách hàng năm, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm triển khai các nhiệm vụ, duy trì hoạt động Mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh.

**Điều 11. Trách nhiệm doanh nghiệp viễn thông**

**1.** Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Quyết định này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Bảo đảm hoạt động hạ tầng truyền dẫn phục vụ mạng truy nhập cấp II.

b) Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối Mạng TSLCD bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin mạng quy định tại Thông tư và pháp luật liên quan hiện hành.

d) Tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp hạ tầng kết nối cho mạng truy nhập cấp II có trách nhiệm xác định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

 **2**. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

 **3.** Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Thông tư 19/2023/TT-BTTTT.

**Điều 12. Trách nhiệm cá nhân, đơn vị sử dụng dịch vụ**

**1.** Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức, phân công trách nhiệm cụ thể cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT; ban hành quy định, quy chế quản lý, hồ sơ đề xuất cấp độ cho mạng nội bộ (LAN) tại đơn vị.

**2.** Quản lý, khai thác và bảo vệ thiết bị mạng của điểm kết nối đặt tại cơ quan mình theo quy định về mạng TSLCD, đồng thời chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên mạng TSLCD theo đúng quy định pháp luật.

**3.** Thủ trưởng các đơn vị là người chịu trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức thông tin và tính chính xác của thông tin khi cập nhật và truyền trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; chịu trách nhiệm về sự phân công cán bộ chuyên trách CNTT để quản trị tốt mạng máy tính tại đơn vị.

**4.** Các cá nhân đăng ký tham gia vào mạng TSLCD của tỉnh thông qua mạng nội bộ tại đơn vị của mình phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật và an toàn của hệ thống mạng.

**5.** Các đơn vị, [tổ chức](http://luat.xalo.vn/thuat-ngu-phap-ly/127994240/To-chuc-kinh-te.html) và cá nhân muốn tham gia Mạng TSLCD của tỉnh phải thực hiện thủ tục đăng ký về Sở Thông tin và Truyền thông.

**6.** Các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD thành lập bộ phận hoặc phân công cá nhân chuyên trách phụ trách công tác quản trị mạng tại đơn vị và lãnh đạo chỉ đạo việc thực hiện, phối hợp vận hành và sử dụng Mạng TSLCD theo quy định trong Quy chế này.

**Điều 13. Điều khoản thi hành**

**1.** Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

**2.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

**3.** Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng mạng TSLCD phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Thông tin và Truyền thông;- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;- Cục kiểm tra văn bản QPPL – BTP;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- TT: TU, HĐND tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Như Điều 3; - Sở Tư pháp; - Lưu: VT, VP UBND tỉnh. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |

**PHỤ LỤC I**

**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỀU VỀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số / /QĐ-UBND ngày* *tháng* *năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

**1.Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối:**

a) Số lượng cổng kết nối: 02 cổng LAN và 01 cổng WAN;

b) Hỗ trợ giao thức quản lý, giám sát mạng SNMP, Logs hoặc Syslog và tính năng tương đương;

c) Hỗ trợ giao thức IPv6;

d) Hỗ trợ phương thức quản trị cấu hình có xác thực và mã hoá.

**2. Yêu cầu lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập và hạ tầng kỹ thuật phụ trợ:**

a) Các thiết bị đầu cuối mạng truy nhập phải được bố trí lắp đặt ở vị trí có điều kiện môi trường đảm bảo về nhiệt độ, nguồn điện, an toàn.

- Nhiệt độ:

+ Đối với thiết bị đặt tại phòng máy: nhiệt độ yêu cầu từ 200C đến 250C;

độ ẩm từ 40% đến 55%;

+ Đối với thiết bị đặt tại phòng làm việc: nhiệt độ yêu cầu tử 200C đến 320C; độ ẩm từ 40% đến 80% .

- Nguồn điện: một nguồn điện đảm bảo, có thiết bị lưu điện (UPS).

Đối tượng sử dụng có trách nhiệm bảo đảm duy trì hoạt động của thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập, kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.